|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2025/NQ-HĐND | *Hải Phòng, ngày tháng năm 2025* |

**DỰ THẢO**

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định điều kiện, nội dung, mức và trình tự, thủ tục hỗ trợ không hoàn lại từ ngân sách thành phố cho các tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động**

**khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo**

**trên địa bàn thành phố Hải Phòng**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15* *ngày 19 tháng 02 năm 2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Khoa học và công nghệ*  *và Đổi mới sáng tạo* *số 93/2025/QH15* *ngày 27 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ* [*Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Doanh-nghiep/Luat-Ho-tro-doanh-nghiep-nho-va-vua-2017-320905.aspx)*số 04/2017/QH14 ngày 12/6/2017;*

*Căn cứ Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều về Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư 06/2022/TT-BKHĐT ngày 10/5/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số điều của Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;*

*Căn cứ Nghị quyết số 226/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hải Phòng;*

*Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về dự thảo Nghị quyết ban hành quy định về điều kiện, nội dung, mức và trình tự, thủ tục hỗ trợ không hoàn lại từ ngân sách thành phố cho các tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Báo cáo thẩm tra số /BC-HĐND ngày tháng năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố và ý kiến thảo luận của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại Kỳ họp.*

*Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định về điều kiện, nội dung, mức và trình tự, thủ tục hỗ trợ không hoàn lại từ ngân sách thành phố cho các tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn thành phố Hải Phòng.*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định điều kiện, nội dung, mức và trình tự, thủ tục hỗ trợ không hoàn lại từ ngân sách thành phố cho các tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn thành phố Hải Phòng quy định tại Khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 226/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hải Phòng.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

**1.** Tổ chức, cá nhân có dự án khởi nghiệp sáng tạo, đổi mới sáng tạo trên địa bàn thành phố Hải Phòng (sau đây gọi là tổ chức, cá nhân).

**2.** Doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, đổi mới sáng tạo đăng ký thành lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng (sau đây gọi là doanh nghiệp).

**3.** Tổ chức, cá nhân có liên quan.

**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong Nghị quyết này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

**1.** Cá nhân bao gồm cá nhân, nhóm cá nhân thực hiện hoạt động khởi nghiệp sáng tạo.

**2.** Dự án đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo ở giai đoạn tiền ươm tạo là dự án trong giai đoạn hoàn thiện ý tưởng thông qua các hoạt động nghiên cứu sản phẩm/dịch vụ/ giải pháp, kiểm chứng ý tưởng, nghiên cứu thị trường và lập kế hoạch khả thi phát triển sản phẩm/dịch vụ/giải pháp.

**3.** Dự án đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo ở giai đoạn ươm tạo là dự án trong giai đoạn phát triển sản phẩm/dịch vụ/giải pháp, hoàn thiện mô hình kinh doanh và chiến lược phát triển thông qua các hoạt động: Tư vấn, kết nối với các thành phần của hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, dịch vụ hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp, cơ sở vật chất và các nguồn lực khác.

**4.** Dự án đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo ở giai đoạn tăng tốc là dự án trong giai đoạn đã có sản phẩm/dịch vụ/giải pháp, khách hàng và đang có nhu cầu mở rộng thị trường, tìm kiếm nhà đầu tư thông qua các hoạt động: tư vấn, kết nối với các thành phần của hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, đặc biệt là các quỹ đầu tư mạo hiểm, dịch vụ hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp, cơ sở vật chất và các nguồn lực khác.

**Điều 4. Phương thức hỗ trợ**

1. Phương thức hỗ trợ trước (áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có dự án khởi nghiệp sáng tạo, đổi mới sáng tạo): Hỗ trợ thông qua các Trung tâm đổi mới sáng tạo/trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo (sau đây gọi là tổ chức trung gian) trước khi thực hiện nhiệm vụ trên cơ sở thuyết minh nhiệm vụ sẽ thực hiện.

2. Phương thức hỗ trợ sau (áp dụng đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, đổi mới sáng tạo): Hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách sự nghiệp khoa học công nghệ trên cơ sở xem xét kết quả đã thực hiện và các hồ sơ chứng từ có liên quan.

**Điều 5. Điều kiện hỗ trợ**

1. Đối với tổ chức, cá nhân:

a) Tại thời điểm đăng ký, chưa nhận được bất kỳ nguồn kinh phí hỗ trợ từ ngân sách thành phố cho nội dung đề nghị hỗ trợ theo giai đoạn đề xuất hỗ trợ của dự án.

b) Có dự án khởi nghiệp sáng tạo, đổi mới sáng tạo.

c) Tổ chức trung gian phải có tư cách pháp nhân, được công nhận theo quy định của Luật Khoa học, công nghệ và Đổi mới sáng tạo, hoạt động trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

2. Đối với doanh nghiệp:

a) Tại thời điểm đăng ký, chưa nhận được bất kỳ nguồn kinh phí hỗ trợ từ ngân sách thành phố cho nội dung đề nghị hỗ trợ.

b) Có hồ sơ, tài liệu minh chứng hợp lệ liên quan đến nội dung đề nghị hỗ trợ.

c) Được công nhận hoặc xác nhận là doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, đổi mới sáng tạo bởi cơ quan có thẩm quyền.

**Chương II**

**NỘI DUNG VÀ MỨC HỖ TRỢ**

**Điều 6. Nội dung, mức hỗ trợ trực tiếp cho doanh nghiệp**

1. Hỗ trợ sử dụng cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, phòng thí nghiệm, phòng thử nghiệm, trung tâm thử nghiệm kiểm định, giám định, khu làm việc chung:

a) Hỗ trợ 100% chi phí sử dụng trang thiết bị tại cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung nhưng không quá 50 triệu đồng/năm/doanh nghiệp;

b) Hỗ trợ tối đa 50% chi phí thuê mặt bằng tại các cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung nhưng không quá 10 triệu đồng/tháng/doanh nghiệp. Thời gian hỗ trợ tối đa là 03 năm kể từ ngày doanh nghiệp ký hợp đồng thuê mặt bằng.

2. Hỗ trợ tư vấn sở hữu trí tuệ, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ

a) Hỗ trợ 35 triệu đồng đối với 01 văn bằng bảo hộ sáng chế/giải pháp hữu ích/giống cây trồng mới trong nước;

b) Hỗ trợ 15 triệu đồng đối với 01 văn bằng bảo hộ đối với đơn đăng ký bảo hộ kiểu dáng công nghiệp và nhãn hiệu trong nước;

c) Hỗ trợ 60 triệu đồng đối với 01 văn bằng bảo hộ đối với sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp và nhãn hiệu, giống cây trồng mới ở nước ngoài.

3. Hỗ trợ triển khai các thủ tục về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng

a) Hỗ trợ tối đa 20 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với chi phí xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn cơ sở.

b) Hỗ trợ tối đa 20 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với chi phí kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường.

c) Hỗ trợ tối đa 20 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với chi phí tham gia hệ thống truy xuất nguồn gốc.

d) Hỗ trợ tối đa 100 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với chi phí xây dựng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Việt Nam/quốc tế.

4. Hỗ trợ thử nghiệm, hoàn thiện sản phẩm, mô hình mới:

Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng hoặc chi phí thực hiện dự án nhưng tối đa không quá 300 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với các hoạt động bao gồm: thử nghiệm, hoàn thiện sản phẩm, công nghệ, mô hình mới.

5. Hỗ trợ chi phí tìm kiếm, lựa chọn, giải mã và chuyển giao công nghệ phù hợp với doanh nghiệp

Hỗ trợ tối đa 100% giá trị hợp đồng tư vấn tìm kiếm, lựa chọn/hợp đồng giải mã/hợp đồng chuyển giao công nghệ phù hợp với doanh nghiệp nhưng không quá 300 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.

6. Hỗ trợ chi phí đào tạo, huấn luyện chuyên sâu:

a) Hỗ trợ tối đa 50% chi phí tham gia các khoá đào tạo chuyên sâu trong nước cho học viên của doanh nghiệp về xây dựng, phát triển sản phẩm; thương mại hóa sản phẩm; phát triển thương mại điện tử; gọi vốn đầu tư; phát triển thị trường; kết nối mạng lưới khởi nghiệp với các tổ chức, cá nhân nghiên cứu khoa học nhưng không quá 10 triệu đồng/học viên/năm và không quá 05 học viên/doanh nghiệp/năm;

b) Hỗ trợ tối đa 50% chi phí tham gia các khoá đào tạo, huấn luyện chuyên sâu ngắn hạn ở nước ngoài nhưng không quá 100 triệu đồng/học viên/năm và không quá 02 học viên/doanh nghiệp/năm.

7. Hỗ trợ khai thác thông tin, truyền thông, xúc tiến thương mại, kết nối mạng lưới khởi nghiệp sáng tạo:

a) Hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng tư vấn đăng ký thành công tài khoản bán sản phẩm, dịch vụ trên các sàn thương mại điện tử quốc tế nhưng không quá 200 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp;

c) Hỗ trợ tối đa 50% chi phí duy trì tài khoản trên các sàn thương mại điện tử trong nước và quốc tế nhưng không quá 100 triệu đồng/năm/doanh nghiệp và không quá 02 năm kể từ thời điểm doanh nghiệp đăng ký thành công tài khoản trên sàn thương mại điện tử;

d) Hỗ trợ chi phí thuê địa điểm, thiết kế và dàn dựng gian hàng, vận chuyển sản phẩm trưng bày, chi phí đi lại, chi phí ăn, ở cho đại diện của doanh nghiệp tham gia hội chợ triển lãm xúc tiến thương mại nhưng không quá 50 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với sự kiện tổ chức trong nước và không quá 100 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với sự kiện tổ chức ở nước ngoài;

đ) Hỗ trợ tối đa 50% chi phí tham gia các cuộc thi quốc tế về khởi nghiệp sáng tạo nhưng không quá 60 triệu đồng/cuộc thi/năm/doanh nghiệp.

8. Doanh nghiệp có thể đề xuất hỗ trợ cùng một lúc nhiều nội dung. Tổng mức hỗ trợ theo quy định tại Điều này không quá 01 (một) tỷ đồng/năm/doanh nghiệp.

**Điều 7. Nội dung, mức hỗ trợ cho tổ chức, cá nhân thông qua tổ chức trung gian**

1. Nội dung:

Hỗ trợ chi phí ươm tạo, phát triển dự án đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo giai đoạn tiền ươm tạo, ươm tạo và tăng tốc với các nội dung sau:

a) Tiền công lao động trực tiếp: chi phí cho tổ chức, cá nhân tham gia trực tiếp thực hiện dự án (chi phí này được tính vào dự toán hỗ trợ và chi trả thông qua tổ chức trung gian).

b) Chi phí tổ chức hoạt động tuyển chọn dự án; chi phí thuê chuyên gia; dịch vụ hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp; chi phí sử dụng cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung.

2. Mức hỗ trợ

a) Dự án ở giai đoạn tiền ươm tạo:

Mức hỗ trợ theo điểm a khoản 1 Điều này là 15 triệu đồng/dự án;

Mức hỗ trợ theo điểm b khoản 1 Điều này là 45 triệu đồng/dự án.

b) Dự án ở giai đoạn ươm tạo

Mức hỗ trợ theo điểm a khoản 1 Điều này là 225 triệu đồng/dự án;

Mức hỗ trợ theo điểm b khoản 1 Điều này là 375 triệu đồng/dự án.

c) Dự án ở giai đoạn tăng tốc

Mức hỗ trợ theo điểm a khoản 1 Điều này là 45 triệu đồng/dự án;

Mức hỗ trợ theo điểm b khoản 1 Điều này là 75 triệu đồng/dự án.

**Chương III**

**TRÌNH TỰ, THỦ TỤC HỖ TRỢ**

**Điều 8****. Trình tự, thủ tục xét, duyệt hồ sơ, kiểm tra, đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ hỗ trợ tổ chức, cá nhân thông qua tổ chức trung gian (theo phương thức hỗ trợ trước)**

Thực hiện theo Thông tư 09/2024/TT-BKHCN ngày 27/12/2024 của Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước.

**Điều 9. Trình tự, thủ tục xét, duyệt hồ sơ hỗ trợ trực tiếp cho doanh nghiệp (theo phương thức hỗ trợ sau)**

1. Việc thực hiện hỗ trợ trực tiếp cho doanh nghiệp được thực hiện thành 02 đợt trong năm là quý II và quý IV hàng năm. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thông báo công khai về việc xét, duyệt hồ sơ hỗ trợ trực tiếp cho doanh nghiệp.

2. Doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ qua đường bưu điện hoặc trực tiếp về Sở Khoa học và Công nghệ. Thành phần hồ sơ gồm:

a) Đơn đề nghị hỗ trợ (theo Mẫu 01. ĐĐN tại Phụ lục II kèm theo Nghị quyết này);

b) Các hồ sơ minh chứng liên quan đến nội dung đề nghị hỗ trợ:

- Đối với nội dung hỗ trợ quy định tại khoản 1 Điều 6 của Nghị quyết này: Bản photo Hợp đồng thuê sử dụng cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, phòng thí nghiệm, phòng thử nghiệm kiểm định, giám định, khu làm việc chung; chứng từ minh chứng liên quan.

- Đối với nội dung đề xuất hỗ trợ quy định tại khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết này: Bản photo văn bằng bảo hộ sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp và nhãn hiệu, giống cây trồng mới.

- Đối với nội dung đề xuất hỗ trợ quy định tại khoản 3 Điều 6 của Nghị quyết này: Bản photo công bố Tiêu chuẩn cơ sở/Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Việt Nam/quốc tế được cơ quan có thẩm quyền đánh giá và áp dụng tại doanh nghiệp; Giấy chứng nhận kiểm định, hiệu chuẩn; Danh sách sản phẩm được tham gia hệ thống truy xuất nguồn gốc quốc gia và chứng từ minh chứng liên quan.

- Đối với nội dung đề xuất hỗ trợ quy định tại khoản 4 Điều 6 của Nghị quyết này: Bản photo hợp đồng, thanh lý hợp đồng, sản phẩm, bản photo Dự án đã được phê duyệt và biên bản nghiệm thu dự án và chứng từ minh chứng liên quan; Báo cáo kết quả hoạt động đề nghị hỗ trợ của doanh nghiệp theo mẫu 02.BCKQ-DN.

- Đối với nội dung đề xuất hỗ trợ quy định tại khoản 5 Điều 6 của Nghị quyết này: bản photo hợp đồng, thanh lý hợp đồng, báo cáo việc chứng từ liên quan; bản photo Dự án đã được phê duyệt và biên bản nghiệm thu dự án và chứng từ minh chứng liên quan; Báo cáo kết quả hoạt động đề nghị hỗ trợ của doanh nghiệp theo mẫu 02.BCKQ-DN.

- Đối với nội dung đề xuất hỗ trợ quy định tại khoản 6 Điều 6 của Nghị quyết này: Bản sao có chứng thực văn bằng/chứng chỉ đào tạo, chứng từ chi cho đào tạo, huấn luyện chuyên sâu và các tài liệu minh chứng kèm theo (gồm: học phí, tài liệu, ăn, ở, đi lại – bao gồm vé máy bay).

- Đối với nội dung đề xuất hỗ trợ quy định tại khoản 7 Điều 6 của Nghị quyết này: Bản sao có chứng thực hợp đồng, chứng từ và các tài liệu minh chứng kèm theo. Trong đó:

+  Đối với sàn thương mại điện tử trong nước: phí thanh toán, phí cố định và phí dịch vụ người bán phải trả cho sàn thương mại điện tử.

+ Đối với sàn thương mại điện tử quốc tế: phí tài khoản người bán, phí giới thiệu, phí hoàn thiện đơn hàng, phí lưu kho, chi phí đăng ký mã vạch sản phẩm, chi phí thiết kế và chụp ảnh sản phẩm, chi phí quảng cáo trên sàn thương mại điện tử.

+ Đối với hỗ trợ tham gia các cuộc thi quốc tế về khởi nghiệp sáng tạo: phí, lệ phí tham gia cuộc thi; ăn, ở tại nước sở tại; đi lại (bao gồm vé máy bay); vận chuyển tài liệu, sản phẩm, trang thiết bị phục vụ tham gia cuộc thi.

3. Sở Khoa học và công nghệ tiếp nhận hồ sơ và thông báo bổ sung hồ sơ (nếu cần); trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thông báo, doanh nghiệp nộp hồ sơ về Sở Khoa học và Công nghệ.

4. Sở Khoa học và Công nghệ thành lập Tổ thẩm định hồ sơ và tổ chức thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ trong vòng 30 ngày kể từ ngày ra quyết định thành lập. Thành phần tổ thẩm định gồm 07-09 thành viên, gồm: đại diện Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính, Ban Kinh tế - Ngân sách và các chuyên gia.

Đối với các trường hợp phức tạp, Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức khảo sát thực tế và thành lập Hội đồng tư vấn đánh giá kết quả thực hiện để đánh giá chuyên sâu trong vòng 30 ngày kể từ khi có đề nghị của Tổ thẩm định hồ sơ. Việc thành lập hội đồng, phương thức, nội dung làm việc, kết quả họp Hội đồng thực hiện theo Thông tư số 02/2015/TT-BKHCN ngày 06/3/2015 quy định việc đánh giá và thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước.

Căn cứ kết quả thẩm định/đánh giá trong vòng 10 ngày Sở Khoa học và Công nghệ ra quyết định hỗ trợ và chuyển kinh phí hỗ trợ cho doanh nghiệp (Mẫu 03.QĐHT).

**Chương IV**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 10. Kinh phí thực hiện**

Kinh phí hỗ trợ được cân đối từ nguồn ngân sách nhà nước được bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm cho Sở Khoa học và Công nghệ. Sở Khoa học và Công nghệ, các tổ chức có liên quan tổ chức thực hiện và thanh quyết toán đảm bảo theo đúng quy định hiện hành.

Định mức chi cho hoạt động đánh giá, thẩm định thực hiện theo quy định hiện hành của Hội đồng tư vấn, đánh giá nhiệm vụ khoa học công nghệ.

**Điều 11. Tổ chức thực hiện**

**1.** Ủy ban nhân dân thành phố có trách nhiệm:

a) Tổ chức thực hiện Nghị quyết này thống nhất trên địa bàn Thành phố đảm bảo hiệu quả, công khai, minh bạch theo quy định pháp luật; thực hiện hỗ trợ không hoàn lại cho các tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn thành phố Hải Phòng theo đúng tinh thần Nghị quyết số 226/2025/QH15, không để xảy ra trục lợi chính sách, tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân và doanh nghiệp, đồng thời đảm bảo tiết kiệm thời gian, chi phí. Thực hiện rà soát, đánh giá hiệu quả của chính sách này để kịp thời điều chỉnh, đảm bảo chính sách đạt được mục tiêu thúc đẩy đổi mới sáng tạo và phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố.

b) Cân đối bố trí ngân sách hằng năm để thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

c) Giao Sở Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm, chủ trì triển khai, hướng dẫn thực hiện Nghị quyết.

d) Định kỳ báo cáo kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết này tại các Kỳ họp Hội đồng nhân dân thành phố cuối năm.

**2.** Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

**Điều 12. Điều khoản thi hành**

Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến nội dung Nghị quyết này được thay thế, sửa đổi, bổ sung thì áp dụng quy định theo văn bản mới.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng, Khóa , nhiệm kỳ 2021 - 2026, Kỳ họp thứ thông qua ngày tháng năm 2025, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;  - Các Bộ: Tài chính, Tư pháp, KH&CN; NN&MT;  - Cục KTVB&QLXLVPHC (Bộ Tư pháp);  - Thường trực Thành ủy Thành phố;  - TT.HĐND, UBND, UBMTTQVN Thành phố; - Đoàn ĐBQH Thành phố; - Các Đại biểu HĐND Thành phố;  các Ban của HĐND TP;  - Văn phòng: Thành ủy, HĐND, UBND Thành phố;  - Các sở, ban, ngành, đoàn thể Thành phố;  - Kho bạc Nhà nước khu vực III;  - TT.HĐND, UBND các xã, phường, đặc khu; - Báo và Phát thanh, truyền hình Hải Phòng; - Công báo HP; Cổng Thông tin điện tử HP;  - Lưu: VT, HSKH. | **CHỦ TỊCH** |

**PHỤ LỤC**

BIỂU MẪU TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP

THEO PHƯƠNG THỨC HỖ TRỢ SAU  
*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số     /2025/NQ-HĐND ngày    tháng   năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng)*

1. Mẫu 01. ĐĐN: Đơn đề nghị hỗ trợ.

2. Mẫu 02.BCKQ-DN: Báo cáo kết quả hoạt động đề nghị hỗ trợ của doanh nghiệp.

3. Mẫu 03. QĐHT: Quyết định hỗ trợ kinh phí.

**Mẫu 01. ĐĐN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
---------------**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ**

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng

1. Tên doanh nghiệp:

2. Địa chỉ:

3. Điện thoại: Fax: E-mail

4. Người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên:

Chức vụ:

5. Mã số doanh nghiệp:

Cấp ngày……tháng…..năm…..;

Nơi cấp……

6. Mã số thuế (nếu khác với mã số doanh nghiệp):

7. Ngành nghề đăng ký kinh doanh:

8. Đề nghị xem xét hỗ trợ:

9. Kinh phí đề nghị hỗ trợ:

10. Các nội dung đề nghị hỗ trợ:

11. Các tài liệu kèm theo:

Chúng tôi cam kết các hồ sơ gửi đến Sở Khoa học và Công nghệ là đúng sự thật và chưa nhận được sự hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước cho các nội dung đề xuất hỗ trợ.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Lưu: ….. | *....., ngày .... tháng ... năm ...* ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP  *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |

**Mẫu 02.BCKQ-DN**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÁC HOẠT ĐỘNG ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ CỦA DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO/ĐỔI MỚI SÁNG TẠO**

**I. Thông tin doanh nghiệp:**

- Tên, địa chỉ trụ sở:

- Lãnh đạo doanh nghiệp: (Họ và tên, chức vụ, thư điện tử, điện thoại, địa chỉ)

- Số, ngày cấp, nơi cấp giấy xác nhận/chứng nhận doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo/đổi mới sáng tạo:

- Hoạt động sản xuất, kinh doanh chính:

**II. Tổng quan các nội dung đề nghị hỗ trợ và tổng kinh phí đề xuất:**

**III. Chi tiết các nội dung đề nghị hỗ trợ:**

**1. Nội dung đề nghị hỗ trợ 1:** (VD:Hỗ trợ chi phí tìm kiếm, lựa chọn, giải mã và chuyển giao công nghệ ….)

- Lý do triển khai hoạt động này, tầm quan trọng của việc triển khai:

- Quá trình triển khai:

- Tổ chức/cá nhân và nội dung ký kết hợp đồng triển khai:

- Tiêu chí đánh giá:

- Kết quả triển khai:

- Sản phẩm đạt được:

- Thời gian thực hiện:

- Kinh phí triển khai:

- Đề xuất hỗ trợ kinh phí và Căn cứ đề xuất hỗ trợ:

- Các tài liệu minh chứng kèm theo.

**2. Nội dung đề nghị hỗ trợ 2:** (VD:Hỗ trợ chi phí chi phí tìm kiếm, lựa chọn, giải mã và chuyển giao công nghệ phù hợp với doanh nghiệp)

- Lý do triển khai hoạt động này, tầm quan trọng của việc triển khai:

- Quá trình triển khai:

- Tổ chức/cá nhân và nội dung ký kết hợp đồng triển khai:

- Tiêu chí đánh giá:

- Kết quả triển khai:

- Sản phẩm đạt được:

- Thời gian thực hiện:

- Kinh phí triển khai:

- Đề xuất hỗ trợ kinh phí và Căn cứ đề xuất hỗ trợ:

- Các tài liệu minh chứng kèm theo.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *Ngày……tháng …… năm 20…* ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP  *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |
|  |  |

**Mẫu 03. QĐHT**

|  |  |
| --- | --- |
| UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG **SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ --------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số:                /QĐ-SKHCN | *Hải Phòng, ngày       tháng      năm 20…* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc hỗ trợ kinh phí cho doanh nghiệp nhỏ và vừa**

**khởi nghiệp sáng tạo, đổi mới sáng tạo**

**GIÁM ĐỐC SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

*Căn cứ Quyết định số 50/2025/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2025 của UBND thành phố Hải Phòng về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng;*

*Căn cứ Nghị quyết số ..../..../NQ-HĐND ngày ...../..../2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Quy định điều kiện, nội dung, mức và trình tự, thủ tục hỗ trợ không hoàn lại từ ngân sách thành phố cho các tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn thành phố Hải Phòng;*

*Căn cứ biên bản họp ngày ......... của Hội đồng đánh giá hồ sơ đề nghị hỗ trợ;*

*Căn cứ ..............................................................................................................*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý công nghệ và Đổi mới sáng tạo, Chánh Văn phòng Sở Khoa học và Công nghệ.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Hỗ trợ kinh phí phát triển dự án đổi mới sáng tạo,khởi nghiệp sáng tạo cho……….. với tổng kinh phí là…….

Trong đó:

1. *..............................................................................................................*

2. *..............................................................................................................*

**Điều 2.**Kinh phí hỗ trợ từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ hàng năm của Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng.

**Điều 3.** Doanh nghiệp được hỗ trợ chịu trách nhiệm trước pháp luật đối với những nội dung khai báo trong hồ sơ và quản lý, sử dụng kinh phí được hỗ trợ theo đúng quy định.

**Điều 4.** Trưởng phòng Phòng Quản lý Công nghệ và Đổi mới sáng tạo, Chánh Văn phòng Sở,….. và các đơn vị có liên quan có trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực từ ngày ký./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như Điều 4; - Lưu: …… | **GIÁM ĐỐC** |